TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02203

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Bao bì thực phẩm (210301) - Số Tín Chỉ: 2 Ngày Thi : 08/05/2012 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV315 Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10125001	NGUYỄN THỊ	HIỀN	DH10BQ	1		2,1	0,5	3,4	6,0	6	0
20	10125202	NGUYỄN THỊ	HIỀN	DH10BQ	1		1,8	0,6	4,4	6,8	6	8
21	10125063	SÁI THỊ	HOÀI	DH10BQ	1		1,6	0,7	4,8	7,1	7	1
22	10125066	TRẦN XUÂN	HOÀNG	DH10BQ	1		1,8	0,7	5,4	7,9	7	9
23	10125067	CAO THỊ	HỒNG	DH10BQ	1		1,4	0,8	5,4	7,6	7	6
24	10125072	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	DH10BQ	1		2,1	0,5	3,8	6,4	6	4
25	10125076	LƠMU	JUNI	DH10BQ	1		1,7	0,5	4,0	6,2	6	2
26	10125077	TRẦN THỊ	KHA	DH10BQ	1		2,1	0,9	5,8	8,8	8	8
27	10125078	PHAN ĐIỀN	KHÁ	DH10BQ	1		1,7	0,5	3,8	6,0	6	0
28	10125082	VÕ VĂN	KIÊN	DH10BQ	1		1,8	0,6	4,8	7,2	7	2
29	10125083	NGÔ THỊ	KIỀU	DH10BQ	1		1,3	0,6	4,8	6,7	6	7
30	10155012	THẠCH THỊ TÔ	LA	DH10KN	1		1,2	0,5	3,4	5,1	5	1
31	08125100	NGUYỄN VĂN	LANH	DH08BQ	1		1,2	0,6	4,4	6,2	6	2

Số bài: 31 ; Số tờ: 31

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Phạm Tuấn Anh

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Phạm Tuấn Anh

Cán bộ chấm thi 1&2

Phạm Tuấn Anh

Ngày 09 tháng 6 năm 2012

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02203

19/6/12

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Bao bì thực phẩm (210301) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 08/05/2012 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV315 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10125007	NGUYỄN MỸ	ÁI	DH10BQ	1		1,0	0,7	5,4	7,1	7	1
2	10125004	LIÊU NGUYỄN HUYỀN	ANH	DH10BQ	1		1,3	0,6	5,2	7,1	7	1
3	10125008	LƯƠNG THỊ	ÁNH	DH10BQ	1		2,4	1,0	5,8	9,2	9	2
4	10125009	NGUYỄN THỊ	ÁNH	DH10BQ	1		2,4	0,5	3,4	6,3	6	3
5	10125011	NGUYỄN LƯU	BẢO	DH10BQ	1		1,2	0,5	4,0	5,7	5	7
6	10125012	TRƯƠNG QUANG	BÌN	DH10BQ	1		1,8	0,6	4,8	7,2	7	2
7	10156004	NGUYỄN THẾ	BÌNH	DH10VT	1		1,3	0,7	5,8	7,8	7	8
8	10125013	PHAN THỊ THANH	BÌNH	DH10BQ	1		2,1	0,0	5,0	7,1	7	1
9	10125021	TRẦN ĐÌNH	CHINH	DH10BQ	1		1,8	0,0	4,8	6,6	6	6
10	09125017	NGUYỄN KHẮC	CƯƠNG	DH09BQ	1		1,2	0,4	3,2	4,8	4	8
11	10125028	TRẦN THỊ MỸ	DIỆM	DH10BQ	1		2,4	0,6	4,4	7,4	7	4
12	10125029	TRẦN MỸ	DIỆU	DH10BQ	1		1,4	0,6	4,6	6,6	6	6
13	10125030	LỮ THỊ THANH	DỊU	DH10BQ	1		2,4	0,7	4,8	7,9	7	9
14	10125033	VÕ THỊ BÍCH	DUNG	DH10BQ	1		2,0	0,5	3,8	6,3	6	3
15	10125034	ĐẶNG THỊ	DUYÊN	DH10BQ	1		1,6	0,9	6,0	8,5	8	5
16	10125048	ĐOÀN THỊ	HÀ	DH10BQ	1		1,8	0,6	5,0	7,4	7	4
17	10156019	TRẦN THỊ DIỆU	HẰNG	DH10VT	1		1,3	0,7	5,2	7,2	7	2
18	10125053	TRẦN THỊ NGỌC	HÂN	DH10BQ	1		2,0	0,7	5,0	7,7	7	7

Số bài: 31 ; Số tờ: 31

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Phạm Tuấn Anh

Người nhập liệu

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Phạm Tuấn Anh

Cán bộ chấm thi 1&2

Phạm Tuấn Anh

Ngày 09 tháng 6 năm 2012

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02220

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Bao bì thực phẩm (210301) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 08/05/2012 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi PV319 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10125165	NGÔ THỊ CẨM	TIÊN	DH10BQ			1,4	0,6	5,0	7,0	7	0
20	10125166	NGUYỄN THỊ THÚY	TIÊN	DH10BQ			1,0	0,5	4,4	5,9	5	9
21	10156079	PHẠM PHƯỚC	TOÀN	DH10VT			1,3	0,9	6,0	8,2	8	2
22	10125169	ĐẶNG MINH	TRANG	DH10BQ			2,4	0,9	5,6	8,9	8	9
23	10125173	TRỊNH THỊ MỸ	TRANG	DH10BQ			1,8	0,7	5,4	7,9	7	9
24	10125176	TRƯƠNG THỊ MỸ	TRÂM	DH10BQ			1,3	0,5	4,6	6,4	6	4
25	~~10125180~~	~~TRẦN NGỌC~~	~~TUẤN~~	~~DH10BQ~~								
26	10125181	TRẦN THỊ NGỌC	TUYỀN	DH10BQ			1,4	0,7	5,2	7,3	7	3
27	10125182	LÊ THỊ	TUYẾN	DH10BQ			1,0	0,5	3,8	5,3	5	3
28	09156111	PHẠM THỊ THÚY	VÂN	DH09VT			1,0	0,5	4,4	5,9	5	9
29	10125191	HUỲNH ĐÌNH THANH	VIỆT	DH10BQ			2,0	0,6	4,0	6,6	6	6

Số bài: 22 ; Số tờ: 22

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Phạm Tuấn Anh

Cán bộ chấm thi 1&2

Phạm Tuấn Anh

Ngày 09 tháng 6 năm 2012

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 02220

Trang 1/1

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 11-12

Môn Học : Bao bì thực phẩm (210301) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 08/05/2012 **Giờ thi:** 09g30 - **phút** **Phòng thi** PV319 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (%)	Điểm thi (%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	08125106	NGUYỄN VĂN	LINH	DH08BQ			0,0	0,0	3,4	3,4	3	4
2	10155044	VÕ HỦNG	LINH	DH10KN			1,0	0,5	3,8	5,3	5	3
3	10125100	LÊ HOÀNG TRÚC	LY	DH10BQ			1,3	0,8	5,6	7,7	7	7
4	10125105	NGUYỄN THỊ	MY	DH10BQ			2,4	0,5	2,4	5,3	5	3
5	10156047	HỒ THỊ KIM	NGÂN	DH10VT			1,2	0,6	5,3	7,1	7	1
6	10155045	NGUYỄN THỊ MINH	NGHĨA	DH10KN			1,2	0,9	6,0	8,1	8	1
7	10125111	NGUYỄN THỊ	NGỌT	DH10BQ			2,0	0,7	5,0	7,7	7	7
8	10125113	HOÀNG THỊ	NGUYỆT	DH10BQ			1,6	0,7	5,0	7,3	7	3
9	10125114	LÊ ĐỨC	NHÃ	DH10BQ			2,4	0,7	4,2	7,3	7	3
10	10125115	NGUYỄN THỊ	NHẪM	DH10BQ			1,3	0,7	5,4	7,4	7	4
11	10125125	VÕ THỊ	NHUNG	DH10BQ			1,4	0,6	4,8	6,8	6	8
12	10125134	NGUYỄN THỊ TRÚC	PHƯƠNG	DH10BQ			2,4	0,8	5,4	8,6	8	6
13	10125137	LƯU THỊ	PHƯỢNG	DH10BQ			1,8	0,6	4,6	7,0	7	0
14	10125139	PHẠM ĐĂNG	QUANG	DH10BQ			1,7	0,6	4,6	6,9	6	9
15	10125140	TRẦN XUÂN	QUANG	DH10BQ			1,8	0,6	4,6	7,0	7	0
16	10125144	LÊ NGUYỄN TRÚC	QUỲNH	DH10BQ			1,2	0,7	5,6	7,5	7	5
17	10125156	BÙI XUÂN	THU	DH10BQ			1,6	0,6	4,4	6,6	6	6
18	10125157	LÊ CÔNG	THUẬN	DH10BQ			1,7	0,5	4,9	6,2	6	2

Số bài: 28 ; Số tờ: 28

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2; Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.

Cán bộ coi thi 1&2

Lê Thanh Thanh

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Phạm Tuấn Anh

Cán bộ chấm thi 1&2

Phạm Tuấn Anh

Ngày 09 tháng 6 năm 2012